

Thứ ba, ngày 26 tháng 3 năm 2024

Vietnam Daily Review

VN-Index tăng hơn 14 điểm

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 29/3/2024		●	
Tuần 25/03 - 29/03/2024		●	
Tháng 3/2024		●	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: VN-Index tăng điểm ngay từ đầu phiên sáng, chứng lại một chút tại ngưỡng 1,275 trước khi đóng cửa tại mốc 1,282.21 điểm, tăng hơn 14 điểm so với hôm qua. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tích cực với 17/18 ngành tăng điểm, trong đó ngành Hóa chất dẫn đầu đà tăng, theo sau là ngành Dầu khí, Ngân hàng,... Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng trên cả hai sàn HSX và HNX. Trong những phiên tới, VN-Index vẫn có thể tiếp tục xu hướng tích lũy trên ngưỡng 1,280 để trở lại 1,300.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL vận động cùng chiều với đà tăng của VN30. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong phiên.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 26/3/2024, các chứng quyền biến động theo nhịp hồi phục của cổ phiếu cơ sở.

Điểm nhấn:

- VN-Index **+14.35** điểm, đóng cửa **1282.21** điểm. HNX-Index **+1.22** điểm, đóng cửa **242.03** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **GVR (+2.06)**, **VPB (+1.39)**, **TCB (+1.01)**, **VCB (+0.82)**, **MBB (+0.72)**.
- Kéo chỉ số giảm: **MSN (-0.51)**, **VND (-0.14)**, **SAB (-0.03)**, **TMP (-0.02)**, **BHN (-0.02)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **19992** tỷ đồng, giảm **-26.58%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức **21891** tỷ đồng.
- Biên độ dao động: **18.08** điểm. Thị trường có **342** mã tăng, **61** mã tham chiếu, **139** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-175.45** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **VND(-396.32 tỷ)**, **MWG(-140.88 tỷ)**, **VNM(-56.6 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-76.17** tỷ đồng.

Diễn biến BSC30, BSC50:

- BSC30 **+1.33%**. Các mã diễn biến tích cực: **KDH (+4.61%)**, **CTR (+3.85%)**, **VPB (+3.70%)**
- BSC50 **+1.35%**. Các mã diễn biến tích cực: **GVR (+6.27%)**, **VTP (+4.92%)**, **KBC (+3.14%)**

Diễn biến các nhóm ngành và chỉ số

Hóa chất	4.04%	Ô tô và phụ tùng	0.67%
Dầu khí	1.98%	Bán lẻ	0.50%
Ngân hàng	1.28%	Truyền thông	0.48%
Hàng & Dịch vụ Công	1.27%	Bảo hiểm	0.28%
Hàng cá nhân & Gia dụng	1.24%	Điện, nước & xăng	0.28%
Xây dựng và Vật liệu	1.23%	Y tế	0.24%
Dịch vụ tài chính	1.18%	Thực phẩm và đồ	-0.02%
Tài nguyên Cơ bản	1.17%		
Bất động sản	0.99%	VNMID	1.39%
Công nghệ Thông tin	0.93%	VN30	1.28%
Du lịch và Giải trí	0.68%	VNSML	0.98%

BSC RESEARCH

Trường phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

thaopt1@bsc.com.vn

Vũ Việt Anh

anhvv@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh

anhng@bsc.com.vn

Nguyễn Thùy Trang

trangnt1@bsc.com.vn

VN-INDEX **1282.21**
Giá trị: 19992.3 tỷ **14.35 (1.13%)**
Khối ngoại (ròng): -175.45 tỷ

HNX-INDEX **242.03**
Giá trị: 1681.13 tỷ **1.22 (0.5%)**
Khối ngoại (ròng): -76.17 tỷ

UPCOM-INDEX **91.20**
Giá trị: 466.98 tỷ **0.11 (0.12%)**
Khối ngoại (ròng): 36.46 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	81.9	1.62%
Giá vàng	2,172	0.35%
Tỷ giá USD/VND	24,785	0.14%
Tỷ giá EUR/VND	26,786	0.20%
Tỷ giá JPY/VND	163.84	0.21%
LS liên NH 1 tháng	1.60%	
LS TPCP 5 năm	1.60%	

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
PDR	121.50	VND	-396.32
VPB	94.44	MWG	-140.88
GEX	82.20	VNM	-56.60
VIX	57.89	STB	-46.79
KDH	50.08	DGW	-35.95

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Tín hiệu hàng hóa	Trang 2
Danh mục BSC30	Trang 3
Danh mục BSC50	Trang 4
Báo cáo mới nhất	Trang 5
Khuyến cáo sử dụng	Trang 6

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng ngày 26/03/2024

Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu vào	Liên quan đầu ra
Dầu WTI	Barrel	81.94	1.62%	-0.27%	6.29%	12.35%	PVT	GAS, BSR
Dầu Brent	Barrel	86.79	1.60%	-0.11%	6.27%	11.62%	PVT	GAS, BSR
Xăng	Gallon	2.75	0.30%	-0.34%	7.46%	3.50%	HVN, VJC	PLX, OIL
Natural gas	USD/MMBtu	1.61	-2.88%	-5.39%	-7.61%	-27.26%		
TTF Gas	EUR/MWh	28.49	2.57%	-1.16%	18.66%	-33.01%		
Vàng	Ounce	2,171.74	0.35%	0.54%	6.95%	11.00%		PNJ
Bạc	Ounce	24.67	0.03%	-1.45%	9.58%	6.83%		PNJ
Đậu tương	Bushel	1,209.25	1.40%	1.81%	5.59%	-16.16%	DBC, QNS	HKB
Sữa	Cwt	16.42	0.06%	-0.12%	1.86%	-9.13%	KDC	VNM, QNS
Cao su	JPY/kg	162.00	-1.04%	-6.52%	1.69%	21.90%	SRC, CSM, DRC	DPR, PHR, HAG, HNG
Đường	LB	21.95	0.46%	-0.95%	-5.18%	4.87%	VNM, GTN, QNS	SBT, LSS, QNS
Ure	USD/T	370.00	-1.33%	-1.46%	-8.64%	-3.90%		DPM, DCM
Niken	LB	17,045.00	-1.68%	-4.74%	-1.31%	-23.45%		PC1
Đồng	LB	4.00	0.01%	-2.87%	4.62%	-2.05%	CAV, SAM, TGP, VTH	MSN, ACM, BGM
Xút	CNY/T	1,980.00	0.00%	-2.94%	-11.61%	-28.52%		CSV
Thép	CNY/ton	3,598.00	-0.39%	3.57%	-3.75%	-12.35%		HPG
Nhôm	Ton	2,329.00	0.87%	2.26%	6.83%	-1.46%	CAV, SAM, TGP, VTH	

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Giá dầu thô West Texas Intermediate kỳ hạn của Mỹ tăng 75 cent, tương đương 1.62%, chốt ở 81.94 USD/thùng, cao nhất kể từ ngày 27/10/2023. Dầu thô Brent chuẩn toàn cầu tăng 1.6% xuống 86.79 USD/thùng, cao nhất kể từ ngày 31/10/2024.
- Giá dầu đã tăng lên mức cao nhất trong nhiều tháng trong phiên thứ hai liên tiếp khi các thương nhân đánh giá các cuộc tấn công gần đây của Ukraine vào các nhà máy lọc dầu của Nga sẽ ảnh hưởng đến nguồn cung dầu mỏ toàn cầu như thế nào.

Giá vàng

- Vàng giao ngay tăng 0.35% xuống 2171.74 USD/ounce vào lúc 18:17 GMT, dao động gần mức thấp nhất trong một tuần đạt được vào thứ Hai.
- Giá vàng giảm khi đồng đô la mạnh lên một ngày trước khi Cục Dự trữ Liên bang báo hiệu lập trường lãi suất vào cuối cuộc họp chính sách kéo dài hai ngày của ngân hàng trung ương Mỹ.

Giá quặng sắt

- Hợp đồng quặng sắt giao tháng 5/2024 trên Sàn giao dịch hàng hóa Đại Liên (DCE) của Trung Quốc kết thúc tăng 5.35% ở mức 827 nhân dân tệ (114.87 USD)/tấn, cao nhất kể từ ngày 13/3/2024. Quặng sắt kỳ hạn tháng 4/2024 trên Sàn giao dịch Singapore tăng 2.91% lên 106.9 USD/tấn, mức cao nhất kể từ ngày 13/3/2024.
- Giá quặng sắt kỳ hạn mở rộng đã tăng sang phiên thứ hai liên tiếp, lên mức cao nhất trong gần một tuần, do hoạt động dự trữ ở Trung Quốc.

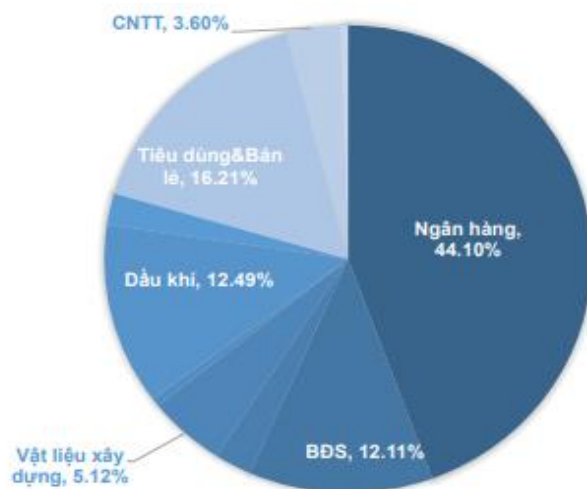
Giá hàng hóa khác

- Giá lúa mì và ngô kỳ hạn tại sở giao dịch Chicago (CBOT) tăng mạnh nhờ các động thái kỹ thuật khi các nhà giao dịch tìm cách nối lỗ các vị thế bán trước thời tiết mùa xuân không chắc chắn và các báo cáo sắp tới của Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ, các nhà phân tích cho biết.
- Đường thô kỳ hạn tháng 5/2024 giảm 2.7% xuống 21.57 cent/lb do sự cải thiện của vụ thu hoạch ở Ấn Độ và Thái Lan. Đường trắng kỳ hạn tháng 5/2024 giảm 1.6% xuống 617.80 USD/tấn.

Danh mục BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	Giá mục tiêu (VND)	NN sở hữu	Link tài báo
VCB	Ngân hàng	96.3	0.6%	0.7	21,731	2.9	5,910	16.3	105,000	23.5%	Link
BID	Ngân hàng	53.0	0.0%	1.0	12,198	3.0	3,781	14.0	54,578	17.3%	Link
VPB	Ngân hàng	19.6	3.7%	1.0	6,278	29.4	1,267	15.5	23,685	27.6%	Link
TCB	Ngân hàng	46.0	2.6%	1.2	6,535	14.4	5,111	9.0	-	22.5%	Link
MBB	Ngân hàng	25.2	2.2%	1.0	5,390	15.9	3,966	6.4	24,400	22.9%	Link
STB	Ngân hàng	31.0	0.5%	1.0	2,360	24.1	4,094	7.6	31,200	24.3%	Link
CTG	Ngân hàng	35.2	1.4%	1.0	7,632	5.4	3,723	9.5	19,100	27.1%	Link
ACB	Ngân hàng	28.0	1.6%	0.8	4,383	7.1	4,131	6.8	42,500	30.0%	Link
SSI	Chứng khoán	38.0	1.3%	1.2	2,300	29.9	1,529	24.8	45,900	44.4%	Link
IDC	BDS KCN	58.5	0.9%	1.0	779	3.4	4,221	13.9	-	21.0%	Link
HPG	Vật liệu xây dựng	30.6	1.2%	1.3	7,172	14.8	1,176	26.0	23,300	25.0%	Link
HSG	Vật liệu xây dựng	23.5	2.2%	1.6	584	10.9	1,321	17.8	79,900	21.7%	Link
VHM	BDS	42.8	0.5%	1.3	7,516	7.4	7,664	5.6	38,900	21.7%	Link
KDH	BDS	38.6	4.6%	1.3	1,246	8.5	895	43.1	44,100	38.8%	Link
NLG	BDS	44.3	1.5%	1.3	688	6.6	1,257	35.2	46,100	47.0%	Link
DGC	Hóa chất	120.7	0.6%	1.5	1,851	8.9	8,163	14.8	85,000	18.9%	Link
DCM	Phân bón	35.1	1.9%	1.4	750	3.7	2,095	16.8	41,000	10.9%	Link
GAS	Dầu khí	80.7	0.4%	0.7	7,483	1.9	5,053	16.0	36,000	2.4%	Link
PVS	Dầu khí	39.1	0.5%	0.8	754	10.3	2,148	18.2	110,500	17.7%	Link
PVD	Dầu khí	32.7	3.0%	1.2	734	5.4	1,035	31.6	45,000	21.3%	Link
POW	Tiện ích	11.4	0.4%	0.8	1,083	2.1	459	24.9	38,500	3.7%	Link
VHC	Thủy sản	76.6	1.5%	1.0	694	1.6	4,793	16.0	29,000	32.5%	Link
GMD	Logistics	78.9	1.0%	1.1	974	2.6	7,262	10.9	14,500	49.0%	Link
VNM	Bán lẻ	67.7	0.6%	0.7	5,713	6.8	4,246	15.9	81,700	52.0%	Link
MSN	Bán lẻ	74.0	-2.0%	1.4	4,275	19.0	293	252.9	27,700	27.3%	Link
MWG	Bán lẻ	48.6	0.7%	1.6	2,872	14.8	115	424.3	63,800	44.4%	Link
PNJ	Bán lẻ	97.4	1.5%	0.7	1,316	5.0	6,011	16.2	83,500	49.0%	Link
DGW	Bán lẻ	65.1	0.5%	1.5	439	4.7	2,121	30.7	90,900	23.4%	Link
FPT	Công nghệ	115.0	0.9%	0.8	5,897	7.9	5,091	22.6	57,000	49.0%	Link
CTR	Công nghệ	135.0	3.8%	1.0	624	2.0	4,510	29.9	108,000	10.1%	Link

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Ho Chi Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.



Danh mục BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	P/B	NN sở hữu	ROE (%)
HDB	Ngân hàng	24.2	2.8%	0.8	2,846	7.1	3,482	7.0	1.6	19.6%	23.2%
VIB	Ngân hàng	24.4	1.7%	1.2	2,494	5.0	3,376	7.2	1.6	20.5%	28.8%
TPB	Ngân hàng	19.2	0.8%	1.1	1,702	8.4	2,027	9.4	1.3	28.7%	19.8%
MSB	Ngân hàng	14.8	0.3%	1.3	1,195	3.3	2,322	6.4	0.9	30.0%	17.8%
EIB	Ngân hàng	18.6	1.1%	0.9	1,311	9.4	1,244	15.0	1.4	3.6%	12.6%
HCM	Chứng khoán	28.3	0.7%	1.3	862	7.6	1,475	19.2	1.6	29.4%	7.3%
VCI	Chứng khoán	53.2	2.3%	1.7	940	10.1	1,124	47.3	3.2	23.5%	4.7%
VND	Chứng khoán	23.4	-2.1%	1.5	1,153	77.5	1,662	14.1	1.7	22.1%	3.8%
BSI	Chứng khoán	62.0	1.1%	1.5	508	0.8	2,014	30.8	2.7	40.4%	8.2%
SHS	Chứng khoán	20.4	1.5%	1.6	670	18.6	688	29.7	1.6	10.5%	4.3%
LCG	Xây dựng	14.1	0.4%	1.5	108	2.7	635	22.2	1.1	3.7%	3.8%
HUT	Xây dựng	19.2	0.0%	1.7	692	2.3	45	427.2	1.9	0.0%	1.3%
CTD	Xây dựng	73.3	1.1%	0.9	296	4.3	1,894	38.7	0.9	44.3%	0.8%
HHV	Xây dựng	15.6	0.0%	1.3	258	4.6	777	20.0	0.9	9.7%	4.2%
C4G	Xây dựng	11.6	0.0%	1.5	0	0.4	431	26.9	1.1	0.0%	5.2%
DIG	BĐS KCN	32.0	-0.2%	1.8	787	22.3	283	112.8	2.5	5.2%	1.1%
CEO	BĐS KCN	23.6	0.9%	1.0	490	11.1	297	79.4	2.1	5.6%	8.3%
KBC	BĐS KCN	36.1	3.1%	1.5	1,119	20.1	2,606	13.9	1.5	22.7%	18.9%
VGC	BĐS KCN	58.9	3.0%	1.3	1,066	2.7	2,717	21.7	3.4	5.1%	13.6%
SZC	BĐS KCN	43.4	1.9%	1.3	315	1.5	1,824	23.8	3.0	2.4%	10.9%
SIP	BĐS KCN	90.5	1.7%	1.5	664	0.7	5,260	17.2	4.6	0.8%	26.5%
PHR	BĐS KCN	64.1	2.6%	1.1	351	1.7	4,574	14.0	2.4	17.6%	26.9%
GVR	BĐS KCN	33.9	6.3%	1.5	5,475	6.9	646	52.5	2.7	0.5%	7.0%
NKG	Vật liệu	26.0	2.8%	1.5	276	8.2	446	58.3	1.3	15.3%	13.5%
BMP	Hóa chất	108.5	-0.5%	0.5	359	0.7	12,704	8.5	3.3	85.9%	38.4%
IJC	Bất động sản	15.8	1.9%	1.7	242	2.0	1,569	10.1	1.0	3.4%	10.9%
DXG	Bất động sản	19.8	0.8%	1.8	578	14.1	239	83.2	1.5	19.4%	3.4%
VRE	Bất động sản	26.4	1.3%	1.2	2,422	7.8	1,940	13.6	1.6	29.7%	10.7%
PDR	Bất động sản	32.0	1.7%	1.9	954	16.8	926	34.6	2.6	7.4%	9.0%
CSV	Hóa chất	57.0	1.8%	1.4	102	0.7	4,732	12.0	1.8	3.7%	21.0%
DHC	Hóa chất	43.7	0.2%	1.0	142	0.4	3,840	11.4	1.9	35.8%	18.1%
PLX	Dầu khí	38.0	1.6%	1.0	1,949	1.4	2,213	17.2	2.0	17.5%	11.7%
PLC	Dầu khí	34.7	0.0%	1.4	113	0.6	1,333	26.0	2.1	1.1%	8.5%
BSR	Dầu khí	19.4	1.0%	1.2	0	3.5	2,745	7.1	1.1	0.8%	9.7%
DRC	Săm lốp	32.8	2.8%	0.7	157	1.7	2,074	15.8	2.1	11.7%	13.5%
PC1	Tiện ích	28.3	0.7%	1.3	355	4.1	439	64.4	2.2	7.1%	5.0%
HDG	Tiện ích	29.2	1.2%	1.3	360	2.3	2,327	12.5	1.5	17.3%	16.8%
GEX	Tiện ích	25.1	2.4%	1.9	863	30.0	388	64.7	1.8	10.6%	5.4%
QTP	Tiện ích	15.5	0.0%	0.6	0	0.1	1,366	11.4	1.4	1.2%	9.9%
REE	Tiện ích	64.1	0.9%	0.9	1,058	1.8	5,354	12.0	1.5	49.0%	18.5%
ANV	Thủy sản	34.6	1.5%	1.3	186	2.0	314	110.1	1.8	3.0%	10.0%
PTB	Thủy sản	62.7	-0.2%	0.7	170	2.0	4,368	14.4	1.5	24.0%	13.4%
PVT	Logistics	29.0	1.4%	0.9	378	3.9	3,005	9.6	1.4	13.5%	16.4%
VSC	Logistics	22.0	0.9%	1.4	238	2.5	946	23.3	1.0	1.6%	7.9%
HAH	Logistics	42.8	0.7%	1.4	182	2.5	3,648	11.7	1.7	3.5%	24.6%
VTP	Logistics	87.4	4.9%	1.1	430	3.8	3,122	28.0	6.9	7.3%	15.1%
DBC	Bán lẻ	31.5	2.8%	1.4	308	10.1	103	304.8	1.6	4.5%	2.9%
FRT	Bán lẻ	147.9	-0.1%	0.6	814	3.4	(2,537)	-58.3	14.3	36.0%	11.8%
QNS	Bán lẻ	48.1	0.2%	0.7	0	0.7	6,117	7.9	2.0	15.3%	24.3%
DPM	Phân bón	36.0	2.3%	1.3	569	2.8	1,327	27.1	1.3	8.7%	19.1%
TNG	Dệt may	21.9	0.9%	0.9	100	1.4	1,997	11.0	1.5	20.3%	17.1%

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 1/2024	x		Click
2	BSC_Vietnam Macro Market Outlook 2024_VN_Cơ hội vượt lên thách thức	x		Click
3	BSC_Vietnam Sector Outlook 2023		x	Click
4	BSC_Vietnam Sector Outlook 4Q2023		x	Click
5	BSC_Báo cáo ngành điện		x	Click
6	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
7	BSC_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
8	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 02.2023	x		Click
9	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 01.2024	x		Click
10	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2023	x		Click
11	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2023	x		Click
12	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 09.2023	x		Click
13	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 08.2023	x		Click
14	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 07.2023	x		Click
15	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 06.2023	x		Click
16	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 05.2023	x		Click
17	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 04.2023	x		Click
18	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 03.2023	x		Click
19	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 02.2023	x		Click
20	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 01.2023	x		Click

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
BSC trân trọng cảm ơn quý khách hàng!
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>

Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu

hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC

hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center

i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639